

Số: 420/2019/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 26/2018/QĐST-HC ngày 29 tháng 10 năm 2018.

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “*Khởi kiện đối với hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi 30.000m² đất tại ấp Q, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không đền bù, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là trái pháp luật*”, giữa:

- **Người khởi kiện:** Bà Trương Thị Ngọc C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn L1, xã L2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 7, khu 1B, ấp H1, phường H2, thị xã P1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 151, Quốc lộ 55, thị trấn P2, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 01 đường V1, phường P3, thành phố R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Văn M1 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Công ty S1.

Địa chỉ: Số 256 đường 27/4, phường P3, thành phố R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Công ty S2.

Địa chỉ: Số 60B đường V, phường R1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 13 tháng 11 năm 2018, người khởi kiện bà Trương Thị Ngọc C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nêu trên với lý do Tòa án cấp sơ thẩm có mâu thuẫn trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và cách xác định thời hạn, thời hiệu khởi kiện.

XÉT THẤY:

[1] Ngày 03/5/1994, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Quyết định số 777/QĐ-UBT về việc thu hồi 500ha đất tại xã H, A, huyện X mà trước kia giao cho Nông trường Z để trồng mới cây cao su theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất (Vị trí, ranh giới đất thu hồi và giao trên theo sơ đồ đất tỷ lệ 1/50.000 do Công ty S1 lập ngày 03/3/1994).

[2] Quá trình thực hiện Quyết định 777/QĐ-UBT, các hộ dân tại xã H, xã A (trong đó có bà Trương Thị Ngọc C) khiếu nại cho rằng Công ty S1 và UBND huyện X đã cưỡng chế thu hồi diện tích 103ha đất (trong đó có đất của các hộ dân) nằm ngoài diện tích 500ha đất theo Quyết định nêu trên.

[3] Ngày 23 tháng 5 năm 1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (BR-VT) có Quyết định số 460/QĐ-UBT (QĐ 460) về việc giải quyết đơn khiếu nại của một số hộ dân xã H, huyện X, có nội dung:

- Không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân đòi hỏi yêu sách đền bù đất, hoa màu nằm trong khu vực 500ha đất thu hồi tại xã H, huyện X, vì các hộ dân đến phá rừng, bao chiếm đất, sang nhượng trái phép đất do Nhà nước quản lý.

- Buộc các hộ dân có những hành vi trên phải tự giải tỏa, di chuyển trả lại đất cho đơn vị được giao đất sử dụng.

- Diện tích 500ha đất thu hồi ở xã H, huyện X là đất rừng do Nhà nước quản lý, đã được quy hoạch để trồng cao su.

[4] Ngày 01 tháng 6 năm 1995, Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT có Quyết định số 504/QĐ-UBT về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ dân không chấp hành Quyết định số 460/QĐ-UBT ngày 23/5/1995 của UBND tỉnh BR-VT.

[5] Không đồng ý với Quyết định số 460/QĐ-UBT, các hộ dân, trong đó, có bà C tiếp tục khiếu nại.

[6] Ngày 12 tháng 4 năm 1996, Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT có Quyết định số 807/QĐ-UBT về việc “giải quyết đường ranh giới đất giữa Công ty S1 với xã H, huyện X”. Theo đó, công nhận đường ranh giới giữa Công ty S1 và xã H, huyện X trên diện tích 3.600 ha theo Quyết định 216/QĐ-UBT ngày 13/5/1994.

[7] Ngày 20 tháng 8 năm 2001, Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT có Quyết định số 6520/QĐ-UBT về việc “giải quyết vụ 85 hộ dân xã H, A khiếu nại việc Công ty S1 thu hồi 103ha nằm ngoài diện tích 500ha theo Quyết định số 777/QĐ-UBT ngày 03/5/1994 của UBND tỉnh BR-VT”, đã kết luận:

- Diện tích thực tế giải tỏa, thu hồi tại xã H, huyện X được Công ty S1 bàn giao đưa vào Xí nghiệp liên doanh Vibelatex là 580ha (trong biên bản bàn giao 603ha), vượt so với Quyết định 777/QĐ-UBT ngày 03/5/1994 về việc thu hồi 500ha tại xã H, A, huyện X giao cho Công ty S1 để trồng mới cây cao su là 80ha. Tuy nhiên, diện tích 580ha này đều nằm trong diện tích 3.600ha trước đây - ngày 06/5/1983 UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 548/QĐ-UBT giao cho Nông trường Z quản lý, sử dụng và cũng nằm trong ranh giới đất Nông trường Z được xác định tại Quyết định 807 ngày 12/4/1996 của UBND tỉnh BR-VT.

- Việc nhân dân tự ý bao chiếm, xâm canh trên diện tích đất trước đây UBND tỉnh Đồng Nai giao cho Nông trường Z không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không kê khai đăng ký, đóng thuế cho Nhà nước là sai quy định của Luật Đất đai 1988, 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai (11/12/1998).

- Quyết định số 460/QĐ-UB ngày 23/5/1995 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của một số hộ dân xã H, huyện X về thu hồi 500ha trồng cao su là đúng với chính sách pháp luật của Nhà nước; đã quyết định:

- Không chấp nhận việc khiếu nại của 85 hộ dân xã H, A, huyện X (danh sách 85 hộ kèm theo, có bà Trương Thị Ngọc C) về việc Công ty S1 thu hồi 103ha (thực tế 80ha) nằm ngoài diện tích 500ha theo Quyết định 777/QĐ-UBT ngày 03/5/1994 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, yêu cầu trả lại phần đất thu hồi vượt, đòi bồi thường thỏa đáng về thiệt hại đất và hoa màu, tài sản có trên đất vì không đủ cơ sở xem xét giải quyết.

- Việc các hộ dân tự ý xâm chiếm đất trong vườn cây cao su của Xí nghiệp cao su Belarus (nay thuộc Công ty TNHH K) là vi phạm pháp luật Nhà nước.

[8] Ngày 18 tháng 10 năm 2001, Thanh tra Nhà nước (nay là Thanh tra Chính Phủ) có Văn bản số 903/TTNN-XKT về việc “báo cáo giải quyết một số vụ khiếu nại – tố cáo của công dân trên địa bàn huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu” có nội dung: “Thanh tra Nhà nước nhận thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các ngành các cấp trong tỉnh quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện giải quyết đúng phương pháp, phù hợp với chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.”

[9] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, khiếu nại tập thể, trong đó có bà Trương Thị Ngọc C đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được giải quyết. Khi không đồng ý với kết quả giải quyết của UBND tỉnh BR-VT, bà C không thực hiện việc khởi kiện trong hạn luật định, đến ngày 07/02/2018, bà C có đơn khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện X là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật tố tụng hành chính nên đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

[10] Bà C kháng cáo cho rằng bà đã khiếu nại liên tục nên không tính thời hiệu khởi kiện.

[11] Tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH2 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày người khởi kiện nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Đối chiếu với qui định pháp luật, kể từ ngày Luật tố tụng hành chính 2010 có hiệu lực, bà C phải khởi kiện trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2011 đến 01/7/2012, mới được thụ lý xem xét giải quyết. Đến ngày 07/02/2018, bà C mới có đơn khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện X là đã hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[12] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà C phải chịu theo quy định pháp luật án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Trương Thị Ngọc C.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 26/2018/QĐST-HC ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006031 ngày 10/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Mai Thị Tú Oanh

Phạm Trí Tuấn

Phan Nhựt Bình